

千葉県告示第 7 7 4 号

地方税法（昭和 2 5 年法律第 2 2 6 号）第 2 0 条の規定により、次の市税に係る書類を別紙記載の方に送達しましたが、その送達を受けるべき方の住所、居所、事務所及び事業所が不明のため送達することができないので、同法第 2 0 条の 2 の規定により告示します。

これらの書類は、千葉県西部市税事務所で保管しておりますので、送達を受けるべき方の申出により随時交付します。

なお、この掲示を始めた日から起算して 7 日を経過したときは、書類の送達があったものとみなされます。

令和 8 年 9 月 1 1 日

千葉市長 神 谷 俊 一

書 類 名	件数
督促状	3 2 4 件

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
-----------	-----	-----

ST Net Pte. Ltd.

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
-----------	-----	-----

武井 淳

齋藤 功

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
-----------	-----	-----

王 哲
ハムザ サムウ
廖 筑筠
莊 長謀
許宏紳
胡猛
王長華
何珮儀
石 璽
ルー・カイ・マイケル
趙 繼峰
謝 昕煒
黄振華
包 敏
崔 淑英
アレン・リンチ・パーカー
張 凱
吉武 広樹
中島 瑞枝
凌 原暁
LIU ZHIHENG
孫焱
YANG YIXUAN
GAO TENG
吳 宗恩

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
-----------	-----	-----

M ABBASS
ジェイソン・シノブ・モチズキ
陳雄
今岡 哲也
陳 淑娟
アリソン・ローラ・キャリット
ベニャト・ミランダ・ガライスバル
ベンマイケルグッドウィン
ヒューゴ・イェー
アデレイ・ヨシカズ・オータ
アリソン・ローラ・キャリット
徐 オリビア
BUTTIRACHAI VARAT
岩根 匡宏
青木 亮介
米田 幸司
左藤 真彦
靳 慶延

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
		松野 佑泉
		王 哲
		廖 筑筠
		許宏紳
		李文翰
		王 美玲
		胡猛
		王長華
		何珮儀
		石 璽
		DENLEY TIMOTHY PAUL
		崔 淑英
		BAE SEONG JEONG
		張 凱
		吉武 広樹
		凌 原曉
		荏隈 千佳
		GAO TENG
		M ABBASS
		陳雄
		CHEN XINYU
		陸慧慈
		大橋 康央
		村山 祐一
		仲山 由紀

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
-----------	-----	-----

岩根 匡宏
梁縁
薛 永強
程 裕輝
余 娟維
孫 宝娥

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
-----------	-----	-----

荏隈 千佳

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
		NGUYEN THI DAC SUONG
		HAN JIZHOU
		BAG TIKEMANI
		NUR AZIZAH
		NGUYEN BAY MINH
		NGUYEN XUAN QUY
		NGUYEN DUY THUYEN
		NGUYEN DANG DEN
		NGUYEN THI HONG
		李 奥紳
		SU DUC THUAN
		NGUYEN QUOC BAO
		高橋 征司
		DUONG THI HUE
		MOHAMAD ARIFIN HIDAYAT
		LAOKHEN DARANEE
		TALIDTID NOMER EGSAEN

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
-----------	-----	-----

DOAN THI HUE

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
		DIMAS NUGROHO SAPUTRO
		RYAN ARI PRASETYO
		TALIDTID NOMER EGSAEN
		福島 元
		周 迪
		NGUYEN THI LOAN
		NGUYEN DAU QUANG
		HSIA TING CHUN
		LIAO YU KAI
		WU PO WEN
		LAI TZU YING
		酒井 香那
		KHUONG VAN BINH
		OCAMPO HARK HERALD RIOJA
		FATIMAH
		CAN THI NGAN
		CHING LINN WEN
		ADHISTANULKARIM TSULATSA
		HORTELANO ALBERT SEGOVIA
		TRAN BAO LINH
		VU DUY LONG
		AHMAD JUWAINI
		COY PITRAWIRA
		AHMAD RIDHO
		ZAINUDDIN

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
		VO THI BICH THAO
		LE THI HONG NHUNG
		LIU ZI JIAN
		PHAM TIEN DAT
		LE THI HIEN
		DO NGOC ANH
		TRAN VAN DUNG
		TRAN VAN TUNG
		HO THI TRUC LAI
		PHUNG THI LAN
		SUDU HAKURUGE SAMPATH PAT
		HMA KUMARA
		NGUYEN THI TRA MY
		PHAM BA TOAN
		NGUYEN DANG TAI
		NGUYEN VAN TIEN
		HOANG THI ANH
		LE THI AN
		工藤 優樺
		ジノフ アレクセイ
		TRUONG HUU PHUC
		BAUTISTA HENRY JR BARROCA
		NGO THI UYEN
		DIMAS HANIF RABBANI
		LARA SETH GABRIEL ORCULLO
		FIKRI RAMADHAN

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
		ACHARYA HOM NATH
		I KADEK ARI GUNAWAN
		KETUT WIYASA
		I MADE JULIADA
		I NENGAH MERTAYASA
		NYOMAN DEG DEG
		DO BA QUYET
		潘 云鳴
		CHEMPUKKATT SUNDARESAN SR
		IVIDYA
		NGUYEN DANG DEN
		福田 希亜
		大樂 遊
		MORANA JERVER TEJANO
		JAYALATH ABEYWARDHANA MUD
		IYANSELAGE SHIWANKA CHAMA
		ETTIYAN BALAJI
		NGUYEN HAI VINH EM
		DINH VAN DUONG
		NGUYEN LUU DUONG
		SU DUC THUAN
		MOHAMAD ARIFIN HIDAYAT
		ARIF MARTANI
		JIMBA SUMITA
		LI YAN
		NGUYEN VAN QUYET
		NGUYEN DUY BA

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
		PHAM THI THU
		NGUYEN QUOC BAO
		NGUYEN THI THO
		野村 恵美
		TRAN NGUYEN CHI THIEN
		PERICANO ADRIAN JAY PAMON AG
		LE DINH BIEN
		AKRONI BEHAKI
		TRAN XUAN TRUNG
		NURHOEDA ANGGRAENI
		VU DUC THO
		TRAN THI LAN HUONG
		DINH VAN CHINH
		MAI THI NGA
		NGUYEN DUC THUAN
		NGUYEN THI HONG
		TRAN THI NGUYET
		NGUYEN THI LIEN
		NUR AZIZAH
		DUONG THI HUE
		TRAN ANH NGUYET
		PHAM THI QUYEN
		LE PHUONG THUY
		HOANG THI OANH
		HOANG MAI HUE

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
		TRAN THI HONG DUYET
		NGUYEN MANH CUONG
		LE HUYNH DUC
		NGUYEN THI THUY
		MAI THI HIEN
		TRUONG THI QUYNH ANH
		NGUYEN THI HOA
		MALINIS LESTER PHILIP CAT APAT
		PHAM VAN KIEN
		VO THI PHUONG VY
		VU VAN PHONG
		HO MINH HUNG
		HOANG QUANG HIEP
		TRAN DINH SANG
		HOANG VAN MANH
		橋本 優里奈
		CHO JOON HYUNG
		LAOKHEN DARANEE
		LE THI KHANH
		ZHANG DAPING
		VUONG THI THUY
		NGUYEN THI LIEN
		THANABUT WAIYAWUT
		CAJAYON LANDICHO ANGELICA BAYBAY
		CAGAS ARRIES JEAN BERNASO R

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
		NGUYEN THI LAN ANH
		LE THAI THONG
		PHAN THI TUYET
		BUI NGOC THACH
		TUN SREYNEANG
		YON SREYROTH

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
		YUSUF SYAIFULLAH RAHMADIN O LE DINH BIEN PHAM BA TOAN NGUYEN THI TRA MY DOAN DAC TAO NGUYEN VAN QUYET

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
		LE DINH PHI
		BUI NGOC KHIEM
		DANG MINH HIEU
		DAO VAN PHUONG

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
		藤阪 俊介
		HOU JIABO
		DO VAN VIET
		HO BEE CHOO SHIRLEY
		清水 叶奈
		福本 千秋
		鎌方 春陽
		HOANG VIET THANG
		NGUYEN DUC TUAN
		乾 陽一
		HOANG VAN TRUONG
		SUN XIAOPENG
		木村 俊助
		TRINH THI THANH THAO
		山村 奨
		TIWARI GAURAV
		LKHAGVADELGER ANAND
		NGO THI NGOC
		酒井 彩華
		ZHOU ZIXUAN
		櫻井 貴啓
		NGUYEN THI LINH CHI
		LKHAGVASUREN ANAR
		BUN REANGSEY
		TRAN DANG LOI

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
		SAN DANA
		NGUYEN MANH CUONG
		NGUYEN PHU CUONG

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
-----------	-----	-----

藤阪 俊介

HOU JIABO

DO VAN VIET

HO BEE CHOO SHIRLEY

清水 叶奈

福本 千秋

鎌方 春陽

HOANG VIET THANG

乾 陽一

HOANG VAN TRUONG

SUN XIAOPENG

TRINH THI THANH THAO

山村 奨

TIWARI GAURAV

LKHAGVADELGER ANAND

櫻井 貴啓

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
-----------	-----	-----

藤阪 俊介

DO VAN VIET

HO BEE CHOO SHIRLEY

福本 千秋

鎌方 春陽

HOANG VIET THANG

HOANG VAN TRUONG

SUN XIAOPENG

山村 奨

TIWARI GAURAV

ZHOU ZIXUAN

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
-----------	-----	-----

藤阪 俊介

福本 千秋

HOANG VIET THANG

TRAN THI PHUONG ANH

HOANG VAN TRUONG

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
		NGUYEN TRONG NHAT
		NGUYEN THI HOAI
		PHAM VAN HUNG
		砂川 里依奈
		VO KHAC THAI
		SAITO MITUE

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
		NGUYEN TRONG NHAT
		NGUYEN THI HOAI
		砂川 里依奈
		VO KHAC THAI
		DEMBEREL KHANDJID

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
		NGUYEN TRONG NHAT
		NGUYEN THI HOAI
		砂川 里依奈
		DEMBEREL KHANDJID

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
-----------	-----	-----

NGUYEN TRONG NHAT

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
-----------	-----	-----

KEO SOLAI

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
-----------	-----	-----

加山 嘉苗
TANGHAL BRAYAN
押垂 俊希
小山内 喜信
田中 浩輔
田中 浩輔
山田 督
山形 勇人

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
-----------	-----	-----

総合リサーチコンサルタント合同会社

通 知 書 番 号	住 所	氏 名
		地引 裕